

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 349/2025/HC-PT

Ngày: 24/9/2025

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Phan Nhựt Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Anh - Thư ký Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 143/2025/TLPT-HC ngày 24 tháng 2 năm 2025 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính và hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 114/2024/HC-ST ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1606/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1968; Địa chỉ: Khu phố H, Đặc khu P, tỉnh An Giang (trước là Khu phố H, phường A, thành phố P, tỉnh Kiên Giang), (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền:

- Ông Đào Minh Đ, sinh năm 1950; Địa chỉ: Số E, N, phường R, tỉnh An Giang (trước là Số E, N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang), (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Trần Thụy Q, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số C, đường N, phường P, tỉnh An Giang. (Trước là Số C, đường N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang), (có mặt).

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ).

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Kiên Giang (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ).

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Lê Quốc T, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, (xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: ông Trần Quang L, chức vụ: Phó Trưởng Ban bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số D, đường C, khu phố B, Đặc khu P, tỉnh An Giang (Trước là Số D, đường C, khu phố B, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Vườn quốc gia P

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T1 - Giám đốc.

Địa chỉ: Ấp X, Đặc khu P, tỉnh An Giang (trước là ấp X, xã B, thành phố P, tỉnh Kiên Giang), (vắng mặt).

3.2. Công ty Cổ phần S.

Địa chỉ: Tổ B, ấp Ô, Đặc khu P, tỉnh An Giang (trước là tổ B, ấp Ô, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Trường T2 - Tổng giám đốc, (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tiến L1, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số G, đường L, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. (Trước là: Số G, đường L, phường S, Quận T, thành phố Hồ Chí Minh), (có mặt).

Người kháng cáo: Người khởi kiện - ông Nguyễn Văn H1 và Người bị kiện - Ủy ban nhân dân thành phố P (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, tỉnh An Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo tóm tắt tại bản án sơ thẩm và trình bày của người khởi kiện có nội dung như sau:*

Ông Nguyễn Văn H1 là người quản lý, sử dụng thửa đất có diện tích khoảng 6.000m² tọa lạc tại ấp Ô, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Nguồn gốc đất này ông H1 nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Nguyễn Quốc T3, bà Trần Thị L2, ông T3 khai hoang trồng cây vào năm 2002, đến năm 2009 ông T3 chuyển nhượng lại cho ông, ông đã giao đủ tiền chuyển nhượng và nhận đất sử dụng. Năm 2016, ông làm đơn yêu cầu về việc xin đo đạc, lập phương án bồi thường quyền sử dụng đất diện tích 6.333,16m². Cơ quan chức năng đã đo đạc, xác định diện tích phần đất của ông đã bị trùng một phần diện tích 1.876,12m² lên đất ông Nguyễn Văn C đã kê khai, còn lại 4.457,04m² trùng lên diện tích của Ban Q2 (nay Vườn Quốc gia P) kê khai. Tuy nhiên, thực tế từ khi gia đình ông sử dụng đất đến nay, ông không nhận được bất kỳ quyết định nào của cơ quan quản lý rừng, cũng không phát hiện mốc ranh rừng trên đất.

Sau khi nhận được Công văn số 164/UBND-NCPC của UBND thành phố P đề ngày 15/3/2022, nội dung yêu cầu của ông về việc xem xét lập phương án bồi thường là không có cơ sở với lý do: Diện tích đất 6.333,6m² của ông nằm trong khu đất mà UBND tỉnh K đã thực hiện thu hồi đất đối với ban Q2 vào năm 2007 (đã được phê duyệt lập phương án), tại thời điểm UBND tỉnh K phê duyệt phương án ông H1 không phải người đang sử dụng đất. Năm 2010, ông H1 vào chiếm đất là hành vi bị nghiêm cấm.

Sau nhiều năm trông chờ UBND Phú Quốc trả lời bằng văn bản, tưởng rằng sẽ được xem xét bồi thường. Tuy nhiên, chính quyền địa phương hoàn toàn không quan tâm đến quá trình quản lý, sử dụng đất của ông T3 từ năm 2002 cho đến khi chuyển nhượng qua ông, thực tế từ đó đến nay ông không nhận được bất kỳ văn bản nào của cơ quan có thẩm quyền về việc cho rằng ông vi phạm việc sử dụng đất.

Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy Công văn số 164/UBND-NCPC ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc trả lời đơn công dân; buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông đối với diện tích 6.333,16m² tọa lạc tại ấp Ô, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đào Minh Đ thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông H1 đối với diện tích 4.457,04m² tọa lạc tại ấp Ô, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang, đối với phần diện tích 1.876,12m² (trong diện tích 6.333,16m²) ông Nguyễn Văn C đã kê khai ông không yêu cầu.

**** Trong quá trình giải quyết vụ kiện, Ủy ban nhân dân thành phố P có ý kiến tại văn bản số 777/UBND-NCPC ngày 18 tháng 5 năm 2023, như sau:***

Đối với nội dung yêu cầu hủy văn bản số 164/UBND-NCPC ngày 15/3/2022 của UBND thành phố P về việc trả lời đơn yêu cầu của công dân.

Theo nội dung “Đơn đề nghị đo đất” do ông Nguyễn Văn H1 đứng đơn ghi ngày 20/4/2016 và nội dung làm việc với ông H1 tại biên bản làm việc của Thanh tra huyện (nay là Thanh tra thành phố) Phú Quốc ngày 29/6/2016, xác định ông H1 không khiếu nại, chỉ kiến nghị UBND huyện (nay là thành phố) Phú Quốc xem xét đo đạc diện tích đất để lập phương án.

Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư 05/2021/TT-TTCT ngày 01 tháng 10 năm 2021 quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh của Thanh tra Chính phủ. Chủ tịch UBND thành phố P ban hành Văn bản số 164/UBND-NCPC ngày 15/3/2022 trả lời đơn cho ông Nguyễn Văn H1 là đúng với quy định.

Vì vậy, UBND thành phố P khẳng định, Văn bản số 164/UBND-NCPC ngày 15/3/2022 do UBND thành phố P ban hành là đúng quy trình, thủ tục và nội dung đúng theo quy định pháp luật.

Đối với nội dung buộc UBND thành phố P ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với diện tích 6.333,16m² là không có cơ sở, bởi lý do sau:

Khu đất diện tích 6.333,16m² mà ông Nguyễn Văn H1 đang khởi kiện, tọa lạc tại ấp Ô, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang do ông Nguyễn Văn H1 tự xác định kê khai với cơ quan tham mưu cho UBND huyện (nay là thành phố) xử lý đơn kiến nghị của ông H1 (theo ông H1 tự xác định, trong tổng diện tích 6.333,16m² thì phần diện tích 1.876,12m² đã trùng lên thửa đất mà ông Nguyễn Văn C đã được lập phương án, còn lại diện tích 4.457,04m²).

Về nguồn gốc như sau: Vào ngày 28/9/2006 Trung tâm Kỹ thuật và Môi trường tỉnh K phối hợp cùng UBND xã C tiến hành kiểm kê, đo đạc đất đai, hoa màu và vật kiến trúc để lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư quy hoạch khu du lịch sinh thái đảo P, lúc này Ban quản lý Rừng phòng hộ huyện Q2 (nay thuộc Vườn Quốc gia P) kê khai diện tích 1.172.241m² (trong đó bao gồm diện tích 4.457,04m²) và ông Nguyễn Văn C kê khai diện tích 9.703,6m² (trong đó bao gồm diện tích 1.876,12m²).

Ngày 29/5/2007 UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 916/QĐ- UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường thiệt hại về đất đai, hoa màu, vật kiến trúc và trợ cấp để giải tỏa giải phóng mặt bằng bàn giao cho Tổng công ty D xây dựng khu du lịch sinh thái Đảo P tại ấp Ô, xã C, huyện P, tỉnh Kiên Giang, theo như quyết định phê duyệt phương án của UBND tỉnh, diện tích 1.172.241m² được lập phương án quy chủ cho Ban Q2 và đã lập phương án cho ông Nguyễn Văn C diện tích 9.703,6m² (ông C không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ quyền sử dụng đất). Do đó, ông H1 không có tên trong phương án.

Ngày 10/12/2007 UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 2509/QĐ-UBND về việc giao đất cho Ban Q2 (nay là Ban Q2) quản lý với diện tích 2.0522.466,2m² (trong đó bao gồm diện tích 6.333,16m² nêu trên) tại ấp Ô, xã C, huyện (nay là thành phố) P, tỉnh Kiên Giang.

Năm 2010 - 2012 ông Đào Minh Đ vào khu vực đất do Ban Q2 quản lý đưa xe cơ giới vào phát dọn lên liếp chiếm đất sử dụng trồng cây Xà cừ (ông H1 thừa nhận tại biên bản kiểm tra đo đạc hiện trạng của Đoàn xác minh ngày 26/7/2016).

Mặc khác, vào năm 2010, UBND huyện P thực hiện việc thu hồi quyền sử dụng đất đối với cá nhân và phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án quy hoạch khu du lịch sinh thái đảo P, nhưng không thực hiện thu hồi đất và lập phương án đối với ông H1 vì trong diện tích 6.333,16m² có diện tích 4.457,04m² UBND tỉnh K đã thực hiện thu hồi đất đối với Ban Q2 vào năm 2007, còn lại diện tích 1.876,12m² nằm trong diện tích 9.703,6m² đã được quy chủ lập phương án đối với ông Nguyễn Văn C. Đến năm 2016 ông H1 mới làm đơn yêu cầu đo đạc đất để lập phương án.

Từ những cơ sở nêu trên, việc ông H1 chiếm đất do Ban Q2 quản lý sử dụng lên liếp trồng cây Xà cừ trên diện tích 6.333,16m² vào năm 2010 - 2012 là hành vi chiếm đất thuộc các hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại Điều 15 Luật đất đai năm 2003 (nay quy định tại Điều 12 Luật đất đai 2013).

Do đó, việc ông H1 khởi kiện buộc UBND thành phố thu hồi đất và ban hành quyết định bồi thường, hỗ trợ trong dự án quy hoạch khu du lịch sinh thái đảo P là không có cơ sở. Đồng thời, hiện nay Chủ tịch UBND thành phố P cũng đã giao cho cơ quan chuyên môn thuộc UBND thành phố P thủ tục xử lý hành vi chiếm đất của ông Nguyễn Văn H1 theo quy định của pháp luật.

Bởi lẽ đó, UBND thành phố P đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử bác toàn bộ nội dung khởi kiện của ông Nguyễn Văn H1.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần S trình bày:

Diện tích đất 6.333,16m² tọa lạc tại ấp ông L3, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang ông Nguyễn Văn H1 đang khởi kiện nằm trong diện tích của Dự án được Ban Q2 bàn giao đất cho Công ty cổ phần S để thực hiện dự án. Công ty đã thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước xong, Công ty thống nhất với ý kiến của UBND thành phố P, diện tích đất này trước đây thu hồi của Vườn Quốc gia P, ông H1 bao chiếm trồng cây sau này nên yêu cầu Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H1. Đối với cây trồng trên đất yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Vườn quốc gia P trình bày tại Văn bản số 112/VQG-DLST&CHSV ngày 21/3/2023 như sau:

Việc ông Nguyễn Văn H1 khiếu kiện quyết định bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất và giải quyết khiếu nại không thuộc thẩm quyền xem xét, ý kiến của Vườn Quốc gia P.

Tại phiên tòa:

Ông Đào Minh Đ là người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 164/UBND-NCPC ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc trả lời đơn yêu cầu của công dân đối với ông Nguyễn Văn H1; buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông đối với diện tích đất 4.457,04m² tọa lạc tại ấp Ô, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người đại diện theo ủy quyền của ông H1 cho rằng đất ông H1 có quá trình sử dụng đất năm 2002 nên đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H1.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố P và Chủ tịch UBND thành phố P xác định ông H1 vào sử dụng đất từ thời điểm năm 2010 đến 2012, đất này thuộc Vườn Quốc gia P quản lý nên thống nhất với ý kiến của UBND thành phố P là không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H1. Đề nghị Tòa án xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H1. Đối với cây trồng của ông H1 trên đất yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần S thống nhất với ý kiến của UBND thành phố P và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho UBND thành phố P. Yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H1.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 114/2024/HC-ST ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

- Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116, Điều 158, Điều 165, Điều 173, Điều 193, Điều 194 của Luật tổ tụng hành chính;
- Căn cứ Điều 12 Luật đất đai năm 2013;
- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H1 về việc yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông đối với diện tích đất 4.457,04m² tại ấp Ô, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H1 về việc yêu cầu hủy Công văn số 164/UBND-NCPC ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc trả lời đơn yêu cầu của công dân đối với ông Nguyễn Văn H1.

3. Kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố P bồi thường cây trồng trên đất cho ông Nguyễn Văn H1 theo biên bản kiểm tra, đo đạc ngày 26/7/2016 của Thanh tra huyện (nay thành phố) P, tỉnh Kiên Giang.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí giám định và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 30/7/2024, người khởi kiện ông Nguyễn Văn H1 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Ngày 13/8/2024, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, tỉnh An Giang) có đơn kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần nội dung bản án sơ thẩm, không đồng ý với kiến nghị của tòa án cấp sơ thẩm về việc bồi thường cây trồng trên đất.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện, bà Nguyễn Trần Thụy Q trình bày: Đề nghị xem xét kháng cáo của ông H1, phía ủy ban cho rằng có quyết định xử phạt nhưng thực tế ông H1 chưa từng bị xử phạt. Theo hồ sơ có giám định tuổi cây, cần phải cân nhắc về yêu cầu bồi thường. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Người bảo vệ quyền, lợi ích của người bị kiện, ông Trần Quang L trình bày: Không đồng ý với kháng cáo của người khởi kiện, việc sử dụng đất của người khởi kiện và loại cây trồng nào do ông H1 trồng là không thể chứng minh, do vậy không thể chấp nhận văn bản giám định. Ủy ban không đồng ý với kiến nghị của tòa án cấp sơ thẩm về việc bồi thường cây trồng trên đất. Đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông H1. Ngoài ra, trường hợp

ông H1 trước đây ủy quyền cho ông Đ thì ông Đ cũng tham gia một vụ án có nội dung tương tự do Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh (trước đây) đã xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần S, ông Nguyễn Tiến L1 trình bày: Công ty thống nhất với phương án của ủy ban về bồi thường, Công ty có thể phối hợp để tạo điều kiện cho người dân vào khai thác gỗ, ngoài ra ông không có ý kiến gì thêm.

Quan điểm của đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:

Về tố tụng, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính về phiên tòa phúc thẩm. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về nội dung, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, chấp nhận kháng cáo của người bị kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để kết luận: Toàn bộ diễn biến vụ án như phần tóm tắt nội dung đã được viện dẫn ở trên. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1 và Ủy ban nhân dân thành phố P (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, tỉnh An Giang), trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của người khởi kiện và người bị kiện trong hạn luật định nên đủ điều kiện để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vắng mặt, có người đại diện theo ủy quyền có mặt; người bị kiện có người đại diện theo ủy quyền có mặt; người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện có mặt; một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt; Căn cứ khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng trên.

[1.2] Về đối tượng khởi kiện, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết:

Ngày 28/7/2022, ông Nguyễn Văn H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Công văn số 164/UBND-NCPC ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc trả lời đơn yêu cầu của công dân (ông Nguyễn Văn H1); Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông H1 đối với diện tích 4.457,04m² đất. Xét các yêu cầu trên là khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính tại Tòa án, còn thời hiệu và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay là Tòa án nhân dân

tỉnh An Giang) theo quy định tại khoản 1 Điều 30, khoản 3, khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 116 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

Công văn số 164/UBND-NCPC ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc trả lời đơn yêu cầu của công dân (ông Nguyễn Văn H1), với nội dung: “*yêu cầu của ông về việc xem xét lập phương án bồi thường là không có cơ sở với lý do: Diện tích đất 6.333,6m² của ông nằm trong khu đất mà UBND tỉnh K đã thực hiện thu hồi đất đối với Ban Q2 vào năm 2007 (đã được phê duyệt lập phương án), tại thời điểm UBND tỉnh K phê duyệt phương án ông H1 không phải người đang sử dụng đất. Năm 2010, ông H1 vào chiếm đất là hành vi bị nghiêm cấm*”. Công văn số 164/UBND-NCPC ngày 15/3/2022 nêu trên là văn bản do cơ quan hành chính nhà nước, cơ quan, tổ chức được giao thực hiện quản lý hành chính nhà nước ban hành; quyết định về vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể (ông Nguyễn Văn H1); làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc có nội dung làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Do đó, đây là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính năm 2015. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng Công văn số 164/UBND-NCPC ngày 15/3/2022 nêu trên không phải là quyết định hành chính, không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính và đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông H1 đối với yêu cầu hủy Công văn số 164/UBND-NCPC, là không chính xác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa lại đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng đất

Ông Nguyễn Văn H1 khởi kiện yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông H1 đối với diện tích 4.457,04m² đất tọa lạc tại ấp Ô, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

Diện tích đất nêu trên trước năm 1998 là đất do Nhà nước quản lý. Ngày 16/8/1998, UBND tỉnh K ban hành Quyết định số 2163/QĐ-UBND về việc giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 33.307,82m² đất cho Ban Q2 (nay là Vườn Quốc gia P), trong đó có bao gồm diện tích 4.457,04m² đất ông H1 đang đề nghị lập phương án thu hồi, bồi thường.

Ngày 28/9/2006, Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường tỉnh K phối hợp cùng UBND xã C tiến hành kiểm kê, đo đạc đất đai, hoa màu và vật kiến trúc để lập phương án, bồi thường. Thời điểm này, Ban Q2 (nay là Vườn Quốc gia P) kê khai diện tích 1.172.241m², trong đó bao gồm diện tích 4.457,04m² đất trên.

Năm 2010, UBND huyện P thực hiện thu hồi quyền sử dụng đất đối với cá nhân và phê duyệt phương án bổ sung bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án quy hoạch khu du lịch sinh thái đảo P nhưng không thực hiện thu hồi đối với ông H1 vì tại thời điểm này, ông H1 chưa vào khu vực đất này bao chiếm, sử dụng và diện tích 4.457,04m² đất nêu trên đã thực hiện thu hồi đối với Ban Q2 vào năm 2007.

Đến năm 2016, ông H1 mới làm đơn yêu cầu đo đạc đất để lập phương án. Thời điểm này, toàn bộ diện tích đất thu hồi đã giao cho Ban Q2 thực hiện chức năng giao cho Công ty Cổ phần S thực hiện dự án.

Tại biên bản làm việc của Đoàn thanh tra huyện P ngày 29/6/2016, ông H1 xác định nguồn gốc đất có được là do nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Quốc T3 vào năm 2005 và cung cấp giấy tờ mua bán đề ngày 19/8/2005 cho Đ1 xác minh. Tuy nhiên, quá trình khởi kiện tại Tòa, ông trình bày nhận chuyển nhượng đất của ông T3 vào năm 2009 và ông cung cấp giấy mua bán với ông Tiền đề ngày 19/8/2009 và ông H1 đã lên líp trồng cây xà cừ khoảng năm 2010.

Như vậy, thời điểm ông H1 nhận chuyển nhượng đất từ ông T3 và trồng cây trên đất là sau thời điểm Ban Q2 kê khai vào ngày 28/9/2006 để lập phương án sân golf (nay là Khu du lịch sinh thái Đảo P), được UBND tỉnh K thu hồi theo Quyết định số 1449/QĐ-UBND ngày 10/8/2007.

Từ những căn cứ trên, có cơ sở xác định diện tích đất ông H1 yêu cầu được lập phương án bồi thường là đất của Vườn Quốc gia P (trước kia là Ban Q2) được UBND tỉnh K giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ năm 1998. Ông H1 không có tài liệu, chứng cứ chứng minh có nguồn gốc, quá trình sử dụng diện tích 4.457,04m² đất từ trước năm 1998, việc ông H1 chiếm đất do Ban Q2 quản lý sử dụng lên líp trồng cây Xà cừ trên diện tích 6.333,16m² vào năm 2010 - 2012 là hành vi chiếm đất thuộc các hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại Điều 15 Luật đất đai năm 2003 (nay là Điều 12 Luật đất đai 2013; khoản 9, khoản 31 Điều 3 Luật Đất đai 2024).

[2.2] Xét tính hợp pháp của quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khởi kiện

Trên cơ sở “Đơn đề nghị đo đất” ghi ngày 20/4/2016 của ông Nguyễn Văn H1 đứng đơn và nội dung làm việc với ông H1 tại biên bản làm việc của Thanh tra huyện (nay là Thanh tra thành phố) Phú Quốc ngày 29/6/2016, xác định ông H1 kiến nghị UBND huyện (nay là thành phố) Phú Quốc xem xét đo đạc diện tích đất để lập phương án bồi thường khi thực hiện dự án.

Căn cứ nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng diện tích 4.457,04m² đất, ngày 15/3/2022, Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Văn bản số 164/UBND-NCPC trả lời đơn cho ông Nguyễn Văn H1 với nội dung: “*yêu cầu của ông về việc xem xét lập phương án bồi thường là không có cơ sở với lý do: Diện tích đất 6.333,6m² của ông nằm trong khu đất mà UBND tỉnh K đã thực hiện thu hồi đất đối với Ban Q2 vào năm 2007 (đã được phê duyệt lập phương án), tại thời điểm UBND tỉnh K phê duyệt phương án ông H1 không phải người đang sử dụng đất. Năm 2010, ông H1 vào chiếm đất là hành vi bị nghiêm cấm*” là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Thông tư 05/2021/TT-TTCT ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.

Do diện tích 4.457,04m² đất ông Nguyễn Văn H1 yêu cầu được lập phương án bồi thường nằm trong phần đất UBND tỉnh K đã có quyết định giao đất và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Vườn Quốc gia Phú Q1 (trước kia là Ban

Q2) từ năm 1998 nên ông H1 yêu cầu khởi kiện buộc UBND thành phố P ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với diện tích 4.457,04m² là không có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với cây trồng của ông H1 trên diện tích 4.457,04m²:

Theo biên bản kiểm tra, đo đạc ngày 26/7/2016, trên diện tích 4.457,04m² đất ông H1 sử dụng có trồng số lượng cây như sau: 265 cây Xà cừ hoành độ trung bình 45cm, 36 cây hoành độ 37cm, 10 cây Đào có hoành độ 40 cm, 25 cây Đào có hoành độ 25cm, 150 cây Tràm có hoành độ 90cm và công đào ao trên đất.

Xét thấy, Điều 92 Luật đất đai 2013 quy định các trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất như sau:

“1. Tài sản gắn liền với đất thuộc một trong các trường hợp thu hồi đất quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, i khoản 1 Điều 64 và điểm b, d khoản 1 Điều 65 của Luật này.

2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và công trình xây dựng khác không còn sử dụng.”

Ông Nguyễn Văn H1 lấn chiếm, sử dụng đất sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh K đã có quyết định thu hồi đất và giao cho Ban Q2 quản lý, là hành vi chiếm đất Nhà nước thuộc trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai theo quy định tại Điều 64 Luật đất đai 2013 và là tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 92 Luật đất đai 2013. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kiến nghị UBND thành phố P bồi thường cây trồng trên đất cho ông H1 theo quy định, là không chính xác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, tỉnh An Giang).

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, tỉnh An Giang), sửa một phần bản án sơ thẩm theo đúng quy định pháp luật.

[3] Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí hành chính phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn H1 phải chịu do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Do kháng cáo được chấp nhận nên người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, tỉnh An Giang) không phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn H1; Chấp nhận kháng cáo của người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, tỉnh An Giang).

Sửa một phần bản án hành chính sơ thẩm số 114/2024/HC-ST ngày 19 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang (nay là tỉnh An Giang).

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn H1 về việc:
- Hủy Công văn số 164/UBND-NCPC ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố P về việc trả lời đơn yêu cầu của công dân đối với ông Nguyễn Văn H1.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành quyết định thu hồi đất, quyết định bồi thường, hỗ trợ cho ông Nguyễn Văn H1 đối với diện tích đất 4.457,04m² tại ấp Ô, xã C, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

2. Án phí hành chính phúc thẩm:

Người khởi kiện ông Nguyễn Văn H1 phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được khấu trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí ông đã nộp theo biên lai thu số 0006365 ngày 01/8/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố P (Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng là Chủ tịch Ủy ban nhân dân Đ, tỉnh An Giang) không phải chịu án phí, trả lại cho người bị kiện 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006369 ngày 04/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang (nay là Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

3. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VCTVKSXXPT tại TP Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- THADS tỉnh An Giang (1);
- Người khởi kiện (1);
- Người bị kiện (2);
- NCQLNVLQ (2);
- Lưu hồ sơ (2), VP (6), 18b. (LMA).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Minh